

TÁC ĐỘNG CỦA GIA NHẬP WTO ĐẾN HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

TS NGUYỄN VĂN HẬU*

Theo báo cáo tại phiên họp thường kì tháng 5-2008 của Chính phủ (họp vào ngày 02-6-2008, tại Hà Nội) về tác động của hội nhập đối với nền kinh tế, nhất là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), thể chế kinh tế chính là lĩnh vực thay đổi để lại dấu ấn nhiều hơn cả trong bức tranh phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua. Quan hệ tương tác giữa quá trình đổi mới, cải cách trong nước, đặc biệt là việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách kinh tế, cải cách bộ máy, thủ tục hành chính với tiến trình hội nhập, gia nhập WTO trở nên chặt chẽ hơn. Có thể thấy, việc gia nhập WTO đã có ba tác động lớn đến quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế ở nước ta:

Thứ nhất, việc gia nhập WTO có tác động đẩy nhanh cải cách chính sách, hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoàn thiện cơ chế thị trường, cải cách hành chính và đổi mới doanh nghiệp trong nước. Do các nước thành viên WTO luôn đòi hỏi, yêu cầu Việt Nam thực hiện nhanh, tích cực và chủ động hơn việc cải cách, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách trong nước, vì thế, WTO như một chất xúc tác, cộng hưởng với yêu cầu trong nước, tăng gia tốc cho quá trình cải cách.

Theo ông Lương Văn Tự, nguyên Trưởng Đoàn đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam, tại một hội thảo khoa học do Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh và Dự án Star - Việt Nam tổ chức ở Cửa Lò, Nghệ An trong hai ngày (ngày 11 và 12-8-2008), để chuẩn bị gia nhập WTO, Việt Nam đã sửa hơn 30 luật.

Cũng tại cuộc hội thảo này, ông Thomas J. Treutler Esq và ông Steve Parker, thành viên và cố vấn cao cấp của dự án này cho rằng trước khi gia nhập WTO, Việt Nam đã sửa đổi gần 100 luật, quy định cho phù hợp với các thông lệ quốc tế ngay từ khi Việt Nam kí kết và thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) - được kí ngày 13-7-2000, có hiệu lực từ ngày 10-12-2001 và hầu hết các yêu cầu thay đổi pháp luật trong BTA cũng giống với các yêu cầu trong WTO. BTA có các yêu cầu mạnh mẽ hơn về đầu tư và quản trị doanh nghiệp, WTO có các yêu cầu mạnh mẽ hơn về cắt giảm thuế quan, mở cửa các ngành dịch vụ và quyền thương mại phân phối. Có thể nói, BTA là bước đệm cho Việt Nam gia nhập WTO.

Thứ hai, WTO tạo thuận lợi cho việc thực hiện đổi mới liên quan đến chính sách và hệ thống pháp lý ở Việt Nam. Những cam kết gia nhập WTO như một mức chuẩn về nền kinh tế thị trường (KTTT) được đông đảo cộng đồng thế giới chấp nhận. Việt Nam có thể căn cứ trên yêu cầu của các nước để soi vào. Thay vì phải mò mẫm tìm tòi, mất thời gian, chúng ta có một hệ thống các quy định chuẩn của thể chế kinh tế quốc tế để tham chiếu.

Thứ ba, quá trình đàm phán, kí kết và thực hiện các cam kết gia nhập WTO giúp Việt Nam, đặc biệt là những người nghiên cứu và hoạch định chính sách hiểu biết hơn về nền KTTT, tiếp thu khoa học - công

* Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

nghệ, kĩ năng quản lý, góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kinh doanh năng động, sáng tạo. Đồng thời, chúng ta cũng có điều kiện thuận lợi về thông tin để nghiên cứu, xem xét và học tập kinh nghiệm của các nước đi trước, đặc biệt là kinh nghiệm của Trung Quốc. Những việc này giúp định hướng cho các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam nghiên cứu, đề xuất giải pháp, hướng đi sớm và phù hợp.

Nhìn chung, Việt Nam đã đưa pháp luật, các quy định và thủ tục hành chính dần dần phù hợp với thông lệ quốc tế. Có thể nhận ra những tác động cụ thể của việc gia nhập WTO đến hoàn thiện thể chế kinh tế ở Việt Nam ở một loạt các sửa đổi trong hệ thống luật pháp trước và sau khi gia nhập WTO trong một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- *Trong lĩnh vực đầu tư:* Chính phủ đã từng bước giảm các quy định có tính phân biệt đối xử về đầu tư của nước ta với nước ngoài, bãi bỏ *Luật Đầu tư nước ngoài*, và thông qua *Luật Đầu tư* năm 2005 và *Luật Doanh nghiệp* năm 2005. *Luật Đầu tư* năm 2005 đã có những quy định thể hiện sự đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nói chung (Điều 4.2); loại bỏ một số ưu đãi đối với thuế quan, tín dụng xuất khẩu và tín dụng đầu tư; tỉ lệ nội địa hoá, tỉ lệ xuất khẩu, ưu tiên mua nguyên liệu trong nước v.v. (Điều 8.2 và Điều 10); các công ty nước ngoài được đối xử bình đẳng trong các vấn đề tín dụng, đất đai và sử dụng tiện ích, không phải chịu cơ chế hai giá (Điều 14 và 19). *Luật Đầu tư* năm 2005 là cơ sở để đối xử bình đẳng giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài (ĐTNN), giữa ĐTNN từ các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau.

- *Trong lĩnh vực thương mại:* Tiến hành rà soát các văn bản pháp lý để tìm ra những quy định không phù hợp hoặc không cho phép thực hiện quy chế MFN và NT đối với hàng hoá, dịch vụ và các nhà ĐTNN để điều chỉnh hoặc huỷ bỏ... Việt Nam đã dần dần thực hiện sự đối xử bình đẳng (MFN và

NT) đối với các nước thành viên ASEAN, APEC, WTO (hoặc trong các khuôn khổ liên kết kinh tế quốc tế khác mà Việt Nam tham gia) trong các lĩnh vực hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ. Đây không phải là điều dễ dàng. Việc không thực hiện đúng hai định chế này (nhất là NT) đã là nguyên nhân của rất nhiều các vụ kiện trong khuôn khổ GATT/WTO. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, Hoa Kỳ đã liên tục kiện Trung Quốc vi phạm NT.

Các liên doanh được phép thành lập với các tỉ lệ nhất định và các tỉ lệ này sẽ dần dần rút bỏ tới năm 2014 (Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05-9-2007). Các tỉ giá tín dụng xuất khẩu phải dựa trên tỉ giá thị trường (Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20-12-2006). Hiện đại hóa các thủ tục hải quan và tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại cửa khẩu. Hiện đại hóa luật pháp về các tiêu chuẩn và quy chuẩn kĩ thuật đối với sản phẩm để tuân thủ với Hiệp định về hàng rào kĩ thuật trong thương mại (TBT) của WTO. Đơn giản hóa giấy phép thương mại. Thương mại, dịch vụ được tự do hóa trong nhiều lĩnh vực và việc điều tiết các dịch vụ tuân thủ với Hiệp định chung về thương mại, dịch vụ của WTO. Đối với doanh nghiệp có vốn ĐTNN, Bộ Thương mại ban hành Thông tư số 09/2007/TT-BTM hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12-02-2007 quy định chi tiết *Luật Thương mại* về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn ĐTNN tại Việt Nam. Thông tư hướng dẫn này là một bước quan trọng trong việc thực hiện các cam kết WTO.

Thông tư nêu rõ, doanh nghiệp có vốn ĐTNN được xuất, nhập khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng cấm xuất, nhập khẩu, không thuộc danh mục hàng tạm ngừng xuất, nhập khẩu (nếu có) và các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa không được quyền xuất, nhập khẩu.

Tuy nhiên, doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã được cấp phép thực hiện quyền xuất khẩu không được lập cơ sở để thu mua hàng xuất khẩu; doanh nghiệp có vốn ĐTNN đã được cấp phép thực hiện quyền nhập khẩu không được lập cơ sở để phân phối hàng nhập khẩu. Doanh nghiệp có vốn ĐTNN được thực hiện xuất, nhập khẩu theo lộ trình đã quy định. Bộ Thương mại đã công bố danh mục và lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa, quyền xuất, nhập khẩu và phân phối của các doanh nghiệp FDI hoặc các tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà ĐTNN và trong nước. Kể từ ngày 01-01-2008, sẽ không hạn chế tỉ lệ góp vốn điều lệ của nhà ĐTNN. Đến ngày 01-01-2009, các doanh nghiệp FDI sẽ được trao toàn quyền lập doanh nghiệp phân phối hàng hóa tại Việt Nam. Bộ Thương mại cũng quy định: doanh nghiệp FDI không được xuất khẩu dầu thô (đến ngày 01-01-2011 sẽ được xuất khẩu lúa gạo), không được quyền nhập khẩu thuốc lá, xì gà, xăng, dầu hoả, diesel, báo, tạp chí, băng đĩa, phương tiện máy bay...

- *Trong lĩnh vực thuế:* Đã xây dựng và áp dụng một chính sách thuế nội địa thống nhất cho tất cả các loại hình doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế, không phân biệt doanh nghiệp trong nước hay doanh nghiệp có vốn ĐTNN (kể từ trước khi gia nhập WTO). Loại bỏ các ưu đãi thuế nhập khẩu dựa trên tỉ lệ nội địa hóa. Loại bỏ các ưu đãi khác về thuế (chẳng hạn như giảm thuế dựa trên tỉ lệ xuất khẩu) theo *Luật Đầu tư* năm 2005.

- *Trong lĩnh vực ngân hàng:* Các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thành lập theo yêu cầu của các cam kết WTO (Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28-02-2006 của Chính phủ; Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05-6-2007 của Ngân hàng Nhà nước). Các yêu cầu tuân thủ với cam kết WTO: mở chi nhánh, ngân hàng nước ngoài phải có 20 tỉ đô la tài sản; mở ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân

hàng nước ngoài phải có 10 tỉ đô la tài sản.

- *Trong lĩnh vực chứng khoán:* Các công ty chứng khoán nước ngoài được phép mở chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam (*Luật Chứng khoán* năm 2006). Các công ty nước ngoài có thể góp vốn, mua cổ phần hoặc liên doanh với các công ty Việt Nam để thành lập các công ty chứng khoán và các công ty quản lý quỹ với giá trị vốn nước ngoài tối đa là 49% (Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29-5-2005). Theo các cam kết WTO, các quy định đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thị trường chứng khoán (TTCK) là thông thoáng và cởi mở. Việt Nam đồng ý cho phép các doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập liên doanh với số vốn không quá 49% ngay tại thời điểm gia nhập WTO và sau 5 năm (đến năm 2012), các nhà ĐTNN được phép thành lập doanh nghiệp có 100% vốn của mình và được hoạt động dưới hình thức chi nhánh để kinh doanh một số nghiệp vụ.

Các chuyên gia cho rằng, việc mở cửa sâu rộng sẽ tạo nhiều cơ hội cho TTCK Việt Nam. Hội nhập sẽ giúp cho các nhà quản lý Việt Nam có điều kiện tiếp cận nhanh và sâu rộng hơn kinh nghiệm quốc tế về quản lý công nghệ tiên tiến.

Thông qua quá trình hội nhập, giao lưu quốc tế, cơ quan quản lý TTCK sẽ được nâng cao trình độ hiểu biết và giúp cho công tác lĩnh vực hoạch định chính sách ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Với việc thực hiện cam kết mở cửa, trong thời gian qua và trong tương lai, TTCK Việt Nam sẽ góp phần thu hút vốn ĐTNN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Đây là một trong những mục đích chính của việc ra đời và hoạt động của TTCK Việt Nam

Thực tế cho thấy, bắt đầu từ cuối năm 2006 và đầu năm 2007, TTCK đã khởi sắc hơn nhiều. Vốn hóa TTCK đang tăng rất nhanh. Tổng giá trị vốn hóa TTCK Việt Nam đến giữa năm 2007 đã đạt khoảng 423.000 tỉ đồng, chiếm 40% GDP, tăng so với mức 255.000 tỉ đồng, chiếm 22,6%

GDP của năm 2006.

Tuy nhiên, hội nhập đem lại nhiều cơ hội thì cũng đem đến không ít những thách thức đối với TTCK:

+ Thách thức rõ nhất là TTCK Việt Nam mới ở trong giai đoạn đầu tiên của sự phát triển, đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện về mặt chính sách, tổ chức và quản lý thị trường, trình độ công nghệ thấp. Thách thức này sẽ ngày càng rõ nét khi mà các cam kết tự do hóa của Việt Nam được thực hiện theo lộ trình. Do năng lực cạnh tranh của các công ty chứng khoán Việt Nam còn thấp nên khả năng cạnh tranh của TTCK Việt Nam sẽ còn hạn chế, dễ bị các yếu tố bên ngoài tác động gây hậu quả tiêu cực. Nền kinh tế chưa đủ sức hấp thụ nguồn vốn lớn trong khi công tác quản lý các luồng vốn vào cấp độ vĩ mô, công tác dự đoán, dự báo còn hạn chế. Đây là một trong những nguyên nhân từng gây ra khủng hoảng tài chính ở nhiều nước.

+ Một trong những thách thức mang tính truyền thống ở các quốc gia khác cũng đã xuất hiện ở Việt Nam trong tiến trình mở cửa, hội nhập là sự quan ngại về nguy cơ thị trường bị biến dạng do các nước áp đặt các điều kiện, quy chế khắt khe hay các nguyên tắc của bản thân họ không phù hợp với điều kiện của Việt Nam; khả năng lây lan rủi ro và những biến động từ thị trường bên ngoài tác động đến thị trường trong nước.

+ Trên thực tế, nguồn vốn nước ngoài đã liên tục đổ vào TTCK Việt Nam trong khi *Luật Chứng khoán* bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01-7-2007 với nhiều quy định, quy chế vẫn còn đang trong quá trình xem xét và thảo luận. Tại một cuộc họp báo, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng công bố, trong 6 tháng đầu năm 2007, Ngân hàng Nhà nước mua vào dự trữ 9 tỉ USD, tương đương với 144.000 tỉ đồng. Theo nhận định của các chuyên gia, trong số 9 tỉ USD mà Ngân hàng Nhà nước mua vào thì có tới 6 tỉ USD từ đầu tư gián tiếp (FII). Các chuyên gia cho rằng, dòng vốn này từ

các quỹ, nhà đầu tư nước ngoài chảy vào để đợi Chính phủ phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) của các ngân hàng hay các tập đoàn kinh tế như Vietcombank, Vietinbank, Tập đoàn Dầu khí...

- *Trong lĩnh vực bảo hiểm:* Được phép thành lập công ty bảo hiểm 100% vốn ĐTNN theo quy định của *Luật Kinh doanh bảo hiểm* năm 2000. Các cam kết WTO phải áp dụng trực tiếp trong pháp luật theo quy định của Điều 2.2 *Luật Kinh doanh Bảo hiểm*.

- *Trong lĩnh vực xuất bản:* Từ ngày 01-01-2009, theo *Luật Xuất bản* sửa đổi năm 2008, các công ty nước ngoài có thể nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam tất cả các loại ấn phẩm (Điều 38). Các pháp nhân Việt Nam trong lĩnh vực xuất bản có thể hợp tác với các công ty nước ngoài trong việc kinh doanh và xuất bản tại Việt Nam (Điều 43.1). Các pháp nhân nước ngoài có thể thành lập các văn phòng đại diện để giới thiệu các sản phẩm của mình và thúc đẩy giao dịch liên quan tới ấn phẩm (Điều 43.2).

- *Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ:* WTO yêu cầu phải tuân thủ TRIPS. Các nguyên tắc cơ bản yêu cầu: các thủ tục thực thi phải ngăn chặn có hiệu quả các hành vi vi phạm, phải có tính răn đe đối với các hành vi vi phạm tiếp theo, các biện pháp chế tài tức thì để ngăn chặn các hành vi vi phạm, các thủ tục thực thi không được phức tạp một cách vô lý, các thời hạn không được tạo ra sự trì hoãn một cách không chính đáng hoặc không được nhanh một cách vô lý. Quyền sở hữu trí tuệ có ý nghĩa quan trọng để Việt Nam tiếp tục phát triển ngành công nghệ cao để thu hút đầu tư trong lĩnh vực này. Các bước Việt Nam đã tiến hành: chế tài hình sự đối với hành vi vi phạm trên quy mô thương mại; chế tài dân sự; bồi thường thiệt hại, phí luật sư; bảo vệ dữ liệu về dược phẩm; bảo vệ các dữ liệu về hóa nông; biện pháp khẩn cấp tạm thời; kiểm tra, giám sát hải quan tại cửa khẩu.

(Xem tiếp trang 19).

Oóc, Luân Đôn, hay Pa-ri đầu thế kỉ XX. Các đô thị lớn ở phương Tây giải quyết được vấn đề đi lại ở đô thị lớn bằng tàu điện ngầm từ cuối thế kỉ XIX (Luân Đôn), đầu thế kỉ XX (châu Âu và Hoa Kỳ). Sự phát triển mở rộng vùng ngoại vi để giảm mật độ trong nhiều thập kỉ đã giúp các vùng đô thị phương Tây giải quyết bài toán mật độ.

Tuy nhiên, hiện tại mật độ dân cư ở các đô thị châu Á cũng đang ở mức cao hơn các khu vực khác trên thế giới (7.600 người/km²), khoảng gấp đôi so với các nước phát triển (3.500 người/km²). Vùng lãnh thổ của Trung Quốc: Hồng Kông và Ma Cao có mật độ kỉ lục, lên tới 29.400 người/km². Ấn Độ (15.700 người/km²) và Trung Quốc (10.500 người/km²) là hai quốc gia có mật độ dân số đô thị vào loại cao trên thế giới.

Các nước châu Á cũng có tỉ lệ dân số sống trong các khu nhà ổ chuột rất đáng kể. Tỉ lệ này giữa các quốc gia ở châu Á cũng có tỉ lệ khác nhau. Giữa Tây Á, Nam Á, với Đông Á và Đông Nam Á có những khác biệt đáng kể về mức độ nhà ổ chuột tại các đô thị.

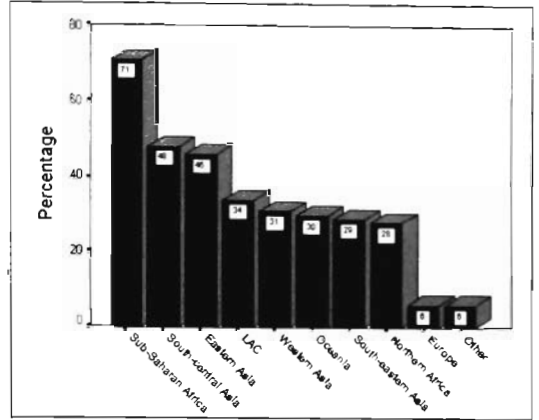
* * * * *

TÁC ĐỘNG CỦA GIA NHẬP WTO...

(Tiếp theo trang 14)

- Về tính minh bạch hoá: Tính minh bạch tiếp tục được cải thiện ở Việt Nam. Hầu hết các quy định pháp luật phải được đăng tải để lấy ý kiến trước khi ban hành. Luật pháp và các quy định phải được công bố trên Công báo trước khi có hiệu lực pháp luật. Hầu hết các quy định đều đưa ra thời hạn cụ thể để xét xử các đơn thư khiếu kiện. Việc sửa đổi Luật Khiếu nại, tố cáo và Pháp lệnh Xử lý các vụ án hành chính đã cải thiện đáng kể các thủ tục để các doanh nghiệp và công dân khiếu kiện và xem xét lại các quyết định hành chính.

Hình 5: Tỉ lệ nhà ổ chuột ở các khu vực của châu Á so với các khu vực khác trên thế giới⁶.



Nhìn chung, tỉ lệ nhà ổ chuột ở châu Á ở mức trung bình thấp (<30%) ở Đông Nam Á, tăng lên ở Tây Á (31%) và ở mức độ cao ở Nam - Trung Á và Đông Á (48% & 46%) □

- 1, 2, 3, 4. Asia 2015. Viện Nghiên cứu Phát triển. 2006.
5. Thống kê đô thị. 2005.
6. Mục tiêu thiên niên kỉ. UN-Habitat. 2005.
- 7, 8. Tổng hợp từ nhiều tài liệu của Bộ Xây dựng và Tổng cục thống kê.